



Trung tâm Tin học và Thống
kê

Cục Chế biến và Phát triển thị
trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông
thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 4/2019

1 Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 4 năm 2018 ước đạt 3,4 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2019 đạt 12,5 tỷ USD, tăng 0,7% cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt gần 6 tỷ USD, giảm 10,3%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 2,4 tỷ USD, tăng 2,5%; Giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,19 tỷ USD, tăng 1,5%; Giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 3,3 tỷ USD, tăng 17,8%. Ba tháng đầu năm 2019, bốn thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Hàn quốc chiếm thị phần lần lượt là 20,9%, 20,1%, 8,7% và 5,4%.

Kim ngạch nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 4 năm 2019 ước đạt 2,68 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 4 tháng đầu năm đạt 9,92 tỷ USD tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 8,15 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2018. Ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 4 năm 2019 đạt 276 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu chăn nuôi 4 tháng đầu năm đạt 1,1 tỷ USD, tăng 14,2% so với năm 2018. Như vậy, trong 4 tháng đầu năm 2019, Việt Nam đạt mức xuất siêu là 2,58 tỷ USD.

Trong tháng 4/2019, giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tăng nhẹ khi thu hoạch lúa Đông Xuân bước vào giai đoạn cuối vụ, nguồn cung không còn nhiều. Giá cà phê giảm do Brazil đẩy mạnh bán ra khi nguồn cung dồi dào. Giá cá tra nguyên liệu tăng do nhiều đơn vị, doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua phục vụ chế biến và xuất khẩu. Giá tiêu giảm do nguồn cung lớn. Một số loại trái cây giảm giá mạnh. Dưa hấu tại tỉnh Quảng Ngãi đến kỳ thu hoạch rộ, nhu cầu thấp khiến giá dưa liên tục giảm. Giá cam sành ĐBSCL giảm do sản lượng hiện nay quá nhiều dẫn đến cung vượt cầu.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 4 năm 2019 ước đạt 618 nghìn tấn với giá trị đạt 255 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 2,02 triệu tấn và 865 triệu USD, giảm 8% về khối lượng và giảm 23,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019 với 35,4% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2019 đạt 549,4 nghìn tấn và 215,8 triệu USD, gấp 3,1 lần về khối lượng và gấp 2,7 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Ba tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Angola (gấp 3,7 lần); Hồng Kông (gấp 2,1 lần) và Bờ Biển Ngà (tăng 63,2%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2019 đạt 434 USD/tấn, giảm 13,4% so với cùng kỳ năm 2018. Dù xuất khẩu trong tháng 3/2019 vẫn kém hơn cùng kì năm trước, nhưng đã tăng 152% về lượng và 155% về giá trị so với tháng 2/2019 do các doanh nghiệp có các đơn hàng mới và tác động tích cực từ chính sách tạm trữ của Chính phủ.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 3 tháng đầu năm 2019, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 48,8% tổng kim ngạch; gạo Jasmine và gạo thơm chiếm 27,6%; gạo nếp chiếm 6,9% và gạo Japonica, gạo giống Nhật chiếm 6,7%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Phillipines (55,8%), Cuba (15,9%). Với gạo Jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Iraq (24,7%), Bờ Biển Ngà (20,6%) và Phillipines (13,6%). Về gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Phillipines (27,4%); Trung Quốc (24,5%) và Hồng Kông (23%). Với gạo Japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Singapore (58,8%) và Papua New Guinea (4,9%).

Giá lúa, gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tăng nhẹ khi thu hoạch lúa Đông Xuân bước vào giai đoạn cuối vụ, nguồn cung không còn nhiều. Cá biệt ở Vĩnh Long đã có địa phương thu hoạch lúa Hè Thu sớm. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, tại An Giang, lúa tươi IR50404 tăng nhẹ 50 đ/kg lên 4.650 đ/kg; lúa OM 4218 ổn định ở mức 4.600 đ/kg; lúa OM 5451 tăng 300 đ/kg lên 5.100 đ/kg; lúa OM 1490 ở mức 5.000 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 9.500 – 10.000 đ/kg; gạo chất lượng cao ở mức 13.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản Jasmine ở mức 13.500 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa tươi vụ Hè Thu sớm có giá 4.700 đ/kg; lúa khô giữ ở mức 5.300 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 12.000 đ/kg; gạo jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại Bạc Liêu, các loại lúa chất lượng cao phổ biến ở mức 4.700 – 4.900 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 100 đ/kg lên 5.500 đ/kg; lúa OM 4218 tăng 100 đ/kg lên 5.600 – 5.700 đ/kg; lúa OM 6976 giảm 300 đ/kg xuống 5.500 – 5.600 đ/kg; lúa Jasmine ổn định ở mức 6.000 – 6.100 đ/kg.

2. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản tháng 4 năm 2019 đạt 252 nghìn tấn tương đương với 100 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 931 nghìn tấn tương ứng với 356 triệu USD, theo đó, giảm 14,1% về khối lượng và giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2018. So với tháng trước, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản cũng giảm về cả lượng (giảm 6,92%) và giá trị (giảm 4,89%). Trung Quốc vẫn tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019, chiếm tới 88,7%, theo sau là Hàn Quốc và Philippin lần lượt là 2,0% và 1,9%. So với cùng kì năm 2018, thị trường Trung Quốc giảm 26,8% về lượng và 12,4% về giá trị. Xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam ảm đạm do nhu cầu của thị trường Trung Quốc yếu. Thực tế, xuất khẩu sản phẩm này của Trung Quốc sang thị trường Châu Âu không tốt trong bối cảnh Anh chưa tìm được giải pháp cho Brexit cộng thêm Chính phủ Trung Quốc họp Quốc hội để thống nhất các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế nên các nhà máy mua hàng chậm. Bên cạnh đó, Trung Quốc vẫn tiếp tục áp dụng chính sách duy trì sản lượng dự trữ ngô ở mức thấp thông qua đấu giá định kỳ. Cơ quan dự trữ ngũ cốc quốc gia Trung Quốc (Sinograin) thông báo đã giảm được 100 triệu tấn ngô trong năm 2018, khiến giá ngô trở nên cạnh tranh hơn dẫn tới sự sụt giảm các sản phẩm thay thế ngô, đặc biệt là sản lát. Đáng chú ý, Trung Quốc cũng tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt các quy định về nhãn mác, bao bì, thông tin sản phẩm tinh bột sản Việt Nam và siết chặt nhập khẩu qua kênh biên mậu. Từ sau ngày 1/4/2019, Trung Quốc giảm thuế VAT với hàng hóa nhập khẩu chính ngạch thêm 3% từ mức 16% xuống còn 13% khiến cho giá hàng hóa xuất qua khu vực biên mậu trở nên kém cạnh tranh hơn.

Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân tháng 4/2019 của Việt Nam đạt 396 USD/tấn, tăng 2,18% so với tháng trước nhưng giảm 5,41% so với cùng kì năm 2018. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản tiếp tục tăng nhẹ, đạt 440 USD/tấn, tăng 0,19% so với tháng trước nhưng giảm 9,8% so với cùng kì năm 2018. Trong khi, do cầu sản lát của thị trường Trung Quốc ảm đạm và nguồn cung dồi dào khi đang trong mùa thu hoạch đã kéo giá xuất khẩu sản lát bình quân của Việt Nam trong tháng 4/2019 đạt 225 USD/tấn, giảm 2,67% so với cùng kì năm trước.

Trung Quốc đang thực hiện Kế hoạch thúc đẩy mở rộng sản xuất và sử dụng ethanol với mục tiêu sử dụng 10 triệu tấn ethanol E10 vào năm 2020 sẽ đẩy nhu cầu sản tăng gấp đôi. Thêm vào đó, Thái Lan vẫn duy trì giá xuất khẩu ổn định và đồng Baht tiếp tục tăng giá so với đồng USD, giúp giá sản của Việt Nam trở nên cạnh tranh hơn so với giá sản Thái Lan trên thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, triển vọng trong thời gian tới sẽ phụ thuộc rất lớn vào việc các nhà sản xuất có sẵn sàng chấp nhận rủi ro tiếp tục phụ thuộc vào nhu cầu tại thị trường Trung Quốc hay không hay hướng tới

các giải pháp như: giảm diện tích trồng sắn, nâng cấp chất lượng sản phục vụ ngành chế biến thực phẩm và thức ăn chăn nuôi hơn là chỉ tập trung vào việc cung cấp nguyên liệu phục vụ ngành sản xuất ethanol của Trung Quốc.

3. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 4/2019 ước đạt 462 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,4 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019 với 704,71 triệu USD (chiếm 72,38% thị phần), tiếp đến là Mỹ với 31,77 triệu USD, chiếm 3,26%; Hàn Quốc với 31,35 triệu USD, chiếm 3,22%; Nhật Bản với 28,23 triệu USD, chiếm 2,9%; Hà Lan với 16,68 triệu USD, chiếm 1,71%. Xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2019 giảm 3,52% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Ba tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Úc (tăng 52,8%), Hàn Quốc (tăng 30,99%) và Hà Lan (tăng 28,01%).

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 4/2019 đạt 230 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2019 đạt 649 triệu USD, tăng 42,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 150 triệu USD, tăng 43,2% so với cùng kỳ 2018 và mặt hàng quả đạt 483 triệu USD, tăng 45,2% so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 3 tháng đầu năm 2019 là thị trường Thái Lan (chiếm 38,41% thị phần), Trung Quốc (chiếm 20,08%). Trong 3 tháng đầu năm 2019 giá trị nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là thị trường Israel (tăng 2,87 lần).

Đầu tháng 4/2019, nhiều loại trái cây có giá giảm. Dưa hấu tại tỉnh Quảng Ngãi đến kỳ thu hoạch rộ, nhưng giá dưa liên tục giảm chỉ còn 2.500- 3.000 đồng/kg. Với sản lượng hơn 40.000 tấn dưa hấu mỗi năm, tỉnh Quảng Ngãi là một trong những địa phương có sản lượng dưa hấu lớn của cả nước. Đến giữa tháng 4/2019, khi thời tiết nắng nóng hơn, giá dưa hấu đã ổn định hơn ở mức 4.500 – 6000 đồng/kg.

Thông thường vào thời điểm nắng nóng gay gắt, cam sành có giá bán tương đối ổn định, song hiện nay giá cam sành tại ĐBSCL lại tiếp tục giảm mạnh. Giá cam sành hiện được các thương lái thu mua chỉ ở mức 6.000 - 8.000 đ/kg, giảm gần 7.000 - 8.000 đ/kg so với cùng kỳ năm trước. Do sản lượng hiện nay quá nhiều dẫn đến cung vượt cầu nên cam bị rớt giá. Tuy nhiên, giá chanh chưa năm nào giá cao như năm nay, so với cùng kỳ năm 2018, giá chanh năm nay tăng từ 10.000-12.000 đ/kg, ở mức giá là 34.000-37.000 đ/kg, đây là giá chanh cao nhất trong vòng 5 năm qua. Mùa nắng nóng khiến nhu cầu thị trường tiêu thụ chanh tăng cao làm cho giá chanh tăng lên. Dự

báo, trong thời gian tới một số loại trái cây tại khu vực ĐBSCL vào thời điểm thu hoạch rộ nên giá sẽ giảm nhẹ.

Sau khi được Mỹ cấp phép nhập khẩu xoài tươi vào tháng 2/2019 (sau thanh long, nhãn, chôm chôm, vải thiều và vú sữa), ngày 18/4/2019, 8 tấn xoài từ Cao Lãnh, Đồng Tháp, Việt Nam được xuất sang thị trường Mỹ bằng đường hàng không. Với việc chính thức xuất sang thị trường khó tính là Mỹ, trái xoài của Việt Nam hứa hẹn nhiều tín hiệu rất khả quan trong thời gian tới. Trái xoài Việt Nam hiện đã được xuất khẩu sang 40 thị trường trên thế giới như: Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, New Zealand... Đây là cơ hội lớn để rau quả Việt Nam mở rộng thị trường trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng của ngành đang chậm lại do gặp khó khăn ở thị trường Trung Quốc.

Thị trường rau củ tại Lâm Đồng trong tháng biến động tương đối ổn định so với tháng trước do nguồn cung rau có thể đáp ứng nhu cầu gia tăng hiện nay. Cụ thể, giá các mặt hàng rau củ vẫn duy trì ở mức giá cuối tháng trước: giá bắp cải 1.000đ/kg; xà lách 6.000đ/kg; ớt chuông 10.000đ/kg.

4. Cà phê

5 Xuất khẩu cà phê tháng 4/2019 ước đạt 141 nghìn tấn với giá trị đạt 236 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 629 nghìn tấn và 1,1 tỷ USD, giảm 13,4% về khối lượng và giảm 22,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trong 3 tháng đầu năm, tăng trưởng khối lượng xuất khẩu sang các thị trường Italia (tăng 20,2%), Tây Ban Nha (tăng 17,3%), Philippin (tăng 4,6%), Nga (tăng 1,6%), Bỉ (tăng 12,6%), Anh (tăng 8,8%), Trung Quốc (tăng 12,4%), Malaixia (tăng 49,8%) không đủ bù đắp cho sự suy giảm khối lượng xuất khẩu cà phê sang các thị trường Đức (giảm 13%), Mỹ (giảm 19,8%), Nhật Bản (giảm 12,5%), Angiêri (giảm 25,2%), Hàn Quốc (giảm 11,2%), Pháp (giảm 14%), Ấn Độ (giảm 33,7%). Đức và Mỹ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019 với thị phần lần lượt là 12,5% và 9,9%.

Brazil được mùa với trên 60 triệu bao (tương đương 3,6 triệu tấn) cộng với đồng nội tệ của Brazil (reais) mất giá so với đồng đô la Mỹ đã tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu cà phê Brazil. Xuất khẩu cà phê Brazil trong tháng 3-2019 tăng 10,3% so với cùng kỳ 2018 trong đó riêng xuất khẩu cà phê robusta tăng đến 582%.

Trong 3 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu cà phê không chỉ giảm ở những thị trường vốn đã có sự suy giảm về khối lượng xuất khẩu mà ở cả một số thị trường có sự tăng trưởng khối lượng xuất khẩu như Nga (tăng 7,7%), Anh (tăng 4,7%), Trung Quốc (tăng 2%). Giá cà phê thấp hơn trong 3 tháng đầu năm 2019 so cùng kỳ là nguyên nhân dẫn đến khối lượng xuất khẩu sang các thị trường này có tăng nhưng không bù đắp suy

giảm về giá cà phê. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2019 đạt 1.740 USD/tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2018. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 3 tháng đầu năm 2019 tăng mạnh là: Malaysia (tăng 22,9%) và Philippine (tăng 21,9%).

Trong tháng 4/2019, thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng với thị trường cà phê thế giới. So với tháng 3/2019, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 800 – 900 đ/kg xuống còn 30.600 – 31.500 đ/kg. Giá cà phê giảm do Brazil đẩy mạnh bán ra khi nguồn cung dồi dào. Dự báo, giá cà phê thế giới và trong nước trong ngắn hạn sẽ khó tăng do dự báo sản lượng cà phê Conilon Robusta của Brazil đạt mức kỷ lục.

5. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 4 năm 2019 ước đạt 34 nghìn tấn, với giá trị đạt 87 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 105 nghìn tấn và 276 triệu USD, tăng 21,4% về khối lượng nhưng giảm 10,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2018 đạt 2.672 USD/tấn, giảm 27,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019 là Mỹ, Ấn Độ, Pakistan và Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất với 40,6% thị phần. Trong khi lượng xuất khẩu tiêu sang Pakistan giảm nhẹ 2,1% thì xuất khẩu sang 3 thị trường còn lại đều tăng khá mạnh. Xuất khẩu tiêu sang Mỹ - thị trường lớn nhất của tiêu Việt Nam – trong 3 tháng đầu năm 2019 đạt 13,8 nghìn tấn, tăng tới 33,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Tại thị trường trong nước, giá hạt tiêu tháng 4/2019 khá ổn định ở mức 43.000 – 46.000 đ/kg giảm nhẹ khoảng 1.000 đ/kg so với tháng trước.

Dự báo trong thời gian tới, giá hạt tiêu sẽ khó có khả năng tăng mạnh vì nguồn cung hạt tiêu toàn cầu vẫn dồi dào do lượng tồn kho lớn của Việt Nam và Sri Lanka đã bắt đầu vào vụ thu hoạch mới với kỳ vọng mùa vụ bội thu. Theo Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC), sản lượng hạt tiêu của Sri Lanka năm 2019 dự kiến sẽ đạt khoảng 26.700 tấn, tăng 44% so với vụ mùa năm 2018.

6. Điều

Trong tháng 4/2019, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất ước đạt 32 nghìn tấn với giá trị 241 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 111 nghìn tấn và 882 triệu USD, tăng 4,7% về khối lượng nhưng giảm 17,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Mỹ, Trung Quốc và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 32,2%, 13,5% và 9,3% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Ba tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất

khẩu hạt điều tăng mạnh là Bỉ (gấp 2,6 lần so với cùng kỳ năm 2018), Úc (tăng 60,2%), Tây Ban Nha (tăng 51,3%) và Nga (tăng 22,4%). Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2019 đạt 8.047 USD/tấn, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm 2018.

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 4/2019 ước đạt 44 nghìn tấn với giá trị đạt 67 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị hạt điều nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2019 đạt 271 nghìn tấn và giá trị đạt 461 triệu USD, tăng 1,9% về khối lượng nhưng lại giảm 23,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu hạt điều lớn nhất trong 3 tháng đầu năm 2019 là thị trường Campuchia (chiếm 52,2% thị phần), giá trị nhập khẩu điều của thị trường này đạt 226,3 triệu USD tăng 2,27 lần so với cùng kỳ năm 2018. Thứ hai là thị trường Bồ Đào Nha, với giá trị kim ngạch nhập khẩu đạt 59,2 triệu USD, tăng 1,69 lần. Kế đến là nhập khẩu từ thị trường Indonesia với giá trị nhập khẩu đạt 25,3 triệu USD, tăng gấp 1,69 lần.

Giá điều trong nước trong tháng 4/2019 ổn định tại Đồng Nai, trong khi giảm nhẹ tại Bình Phước. Cụ thể, tại Bình Phước, điều thô mua xô giảm 4.000 đ/kg, ở mức 32.000 đ/kg; tại Đồng Nai ổn định ở mức 46.000 đ/kg. Giá hạt điều giảm, ngành chế biến hạt điều cũng đang gặp khó khăn vì xuất khẩu chậm, giá giảm do ảnh hưởng mạnh bởi nhu cầu của thị trường Trung Quốc.

Giá điều xuất khẩu bình quân trong tháng 3 đầu năm 2019 chỉ đạt mức 8.012 USD/tấn. Theo Hiệp hội điều Việt Nam (Vinacas) trong tháng 4 giá điều thế giới vẫn trong xu thế giảm do nguồn cung dồi dào, giá giảm hầu hết các thị trường như Trung Quốc, Úc, Đức, Anh, Nga, Thái Lan đều tăng lượng nhập khẩu.

7. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 4/2019 ước đạt 77 nghìn tấn với giá trị 109 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 4 tháng đầu năm 2019 đạt 417 nghìn tấn và 559 triệu USD; tăng 25,1% về khối lượng và tăng 14,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Mặc dù, khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su của Việt Nam trong những tháng đầu năm 2019 cùng tăng nhưng do giá cao su xuất khẩu bình quân giảm nên mức tăng về giá trị thấp hơn về khối lượng. Giá cao su xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2019 ước khoảng 1.321 USD/tấn, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc, Ấn Độ, và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019, chiếm thị phần lần lượt là 63,8%, 9,0% và 3,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 4/2019 ước đạt 58 nghìn tấn với giá trị đạt 103 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 4 tháng đầu năm đạt 261 nghìn tấn với giá trị 374 triệu USD, tăng 11,4% về khối lượng và tăng 7,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Bốn thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu của trong

tháng 3 năm 2019 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào và Campuchia, chiếm 54,8% kim ngạch nhập khẩu cao su của Việt Nam. Trong 3 tháng đầu năm 2019, giá trị nhập khẩu cao su tăng mạnh nhất tại thị trường Pháp (tăng 2,98 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị nhập khẩu cao su giảm mạnh là thị trường Nga (giảm 37,5%).

Thị trường cao su nguyên liệu trong nước vẫn tiếp diễn trạng thái trầm lắng. Thủ phủ cao su Bình Phước hiện ở vào giai đoạn ngừng cạo mủ. Giá mủ tại Đồng Nai không thay đổi ở mức 12.000 đồng/kg.

Dự báo giá cao su trong nước tháng tới có thể khởi sắc khi Trung Quốc tiến hành các biện pháp kích thích nền kinh tế, thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su của nước nhập khẩu cao su hàng đầu thế giới này.

8. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 4 năm 2019 ước đạt 10 nghìn tấn với giá trị đạt 15 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 37 nghìn tấn và 62 triệu USD, tăng 4,8% về khối lượng và tăng 14,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trong 3 tháng đầu năm 2019, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan tăng 89% về khối lượng và tăng 73,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá chè xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2019 đạt 1.751 USD/tấn, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Đáng chú ý, giá trị xuất khẩu chè của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2019 tăng tới 126,3% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù lượng xuất khẩu giảm 22,1%, nhờ sự tăng trưởng mạnh của giá xuất khẩu. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình của chè Việt Nam sang Trung Quốc đạt khoảng 4.036 USD/tấn trong quý 1/2019, tăng gấp 3 lần so với quý 1/2018. Nguyên nhân là do Trung Quốc đang có xu hướng tăng nhập khẩu các loại chè chất lượng cao hơn để tạo ra các dòng sản phẩm phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người dân tại nước này. Sự phát triển của tầng lớp trung lưu ở Trung Quốc kéo theo nhu cầu tiêu dùng các loại chè thể hệ mới như chè thảo mộc, matcha, espresso hay chè hoa quả, và nhóm này sẵn sàng chi trả chi phí cao hơn cho các loại chè phù hợp với nhu cầu của mình. Do đó, sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp này đã góp phần làm tăng kim ngạch nhập khẩu chè của Trung Quốc trong những năm gần đây.

Thị trường chè nguyên liệu trong nước trong tháng 4/2019 diễn biến ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao vẫn giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là 105.000 đ/kg. Tại Lâm Đồng, giá chè cành ổn định ở mức 8.500 đ/kg, chè hạt giảm nhẹ 100 đ/kg so với tháng trước còn 7.100 đ/kg. Hiện chưa có dấu hiệu nào cho thấy giá chè sẽ biến động mạnh trong các tháng tiếp theo.

9. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 4/2019 ước đạt 694 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 2,5 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2018. Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019, chiếm 53,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 3 tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Mexico (tăng 36,1%), Philippin (tăng 33,8%), Malaysia (tăng 33,2%) và Nhật Bản (tăng 16,1%).

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 4/2019 đạt 167 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2019 đạt 579 triệu USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất trong 3 tháng đầu năm 2019 là Na Uy (chiếm 13% thị phần) tiếp đến là Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản với thị phần lần lượt là 10,7%, 8,8% và 8,2%. Trong 3 tháng đầu năm 2019 giá trị nhập khẩu thủy sản tăng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2018 là thị trường Trung Quốc (tăng 49,1%), ngược lại thị trường có giá trị nhập khẩu thủy sản giảm mạnh nhất là thị trường Chi Lê (giảm 16,7%) so với cùng kỳ năm 2018.

Sau khi giảm giá mạnh trong tháng trước, thị trường cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua đã có dấu hiệu nhích nhẹ khoảng 500-1.000 đ/kg lên mức 24.500-25.000 đồng/kg đối với cá tra loại I (800-900g/con). Giá cá tra nguyên liệu tăng do nhiều đơn vị, doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua phục vụ chế biến khi đầu ra xuất khẩu cá tra tiếp tục khởi sắc. Dự báo, giá cá tra nguyên liệu có nhiều khả năng còn tăng trong thời gian tới. Tuy nhiên, mức giá này vẫn rất thấp so với mức trung bình của năm 2018 khi giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL đã từng có thời điểm đạt tới mức 32.000 đ/kg (cá loại I, 700 - 900g/con) tại các vùng sản xuất như An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp.

Thị trường tôm trong tháng không có nhiều biến động. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú sống (oxy) cỡ 20-40 con/kg dao động ở mức 180.000-310.000 đ/kg; tôm sú ướp đá nguyên liệu cỡ 30-40 con/kg tăng 15.000 đ/kg lên mức tương ứng 160.000 đ/kg và 140.000 đ/kg, cỡ 20 con/kg ổn định ở mức 210.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá ổn định so với tháng trước: cỡ 60 con/kg 108.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg 98.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg 84.000-88.000 đ/kg.

Trong tháng 4/2019, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã đưa ra kết luận sơ bộ rằng: các sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh Việt Nam được bán trên thị trường Mỹ bởi Công ty Sao Ta và Công ty Hải sản Nha Trang không bị bán phá giá trong giai đoạn từ 01/02/2017 tới 31/01/2018. Do đó, mức thuế sơ bộ đối với sản phẩm tôm trên của hai công ty sẽ là 0%. Ngoài hai bị đơn bắt buộc này, 29 bị đơn còn lại có nộp đơn xin xác

định mức thuế suất khác biệt hoặc cam kết không có lô hàng nào xuất vào Mỹ trong khoảng thời gian nêu trên cũng được hưởng mức thuế 0% như trên. Mặc dù đây mới chỉ là kết quả rà soát sơ bộ, theo thông lệ đến khoảng Quý III, Bộ Thương mại Mỹ sẽ đưa ra kết quả cuối cùng, nhưng với kết quả sơ bộ tích cực như trên, dự báo hoạt động xuất khẩu tôm của Việt Nam nói chung và 31 công ty trên nói riêng vào thị trường Mỹ sẽ tăng trưởng tích cực trong thời gian tới, giúp tăng sức cạnh tranh với các đối thủ xuất khẩu tôm khác vào thị trường này như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Ecuador, Trung Quốc... Tuy nhiên, ngoài 31 công ty trên, 67 công ty xuất khẩu tôm khác vào thị trường Mỹ của Việt Nam vẫn bị DOC cho rằng không đủ điều kiện để hưởng thuế suất riêng nên vẫn sẽ chịu thuế suất bán phá giá chung cho sản phẩm cùng loại từ Việt Nam là 25,76%.

10. Sản phẩm chăn nuôi

Trong tháng 4/2019, giá lợn hơi trong nước tăng do nhu cầu tiêu dùng đã tăng trở lại khi dịch tả lợn châu Phi (ASF) đang được khống chế hiệu quả. Theo Cục Thú y, có 23 ổ dịch của 7 huyện thuộc 7 tỉnh, thành đã qua 30 ngày, trong đó có 2 tỉnh Hòa Bình và Bắc Kạn đã công bố hết dịch. Sau khi các cơ quan chức năng khẳng định dịch ASF được kiểm soát chặt, thịt lợn an toàn, người tiêu dùng đã gạt bỏ được lo ngại về dịch bệnh này, bắt đầu quay lại sử dụng thịt lợn nhiều hơn. Nhờ đó, giá thịt lợn đã chấm dứt đà giảm so với tháng 3/2019. Tại miền Bắc, giá lợn hơi tăng 2.000 - 6.000 đ/kg, dao động trong khoảng 36.000 - 41.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên cũng biến động tăng với mức tăng 8.000 - 9.000 đ/kg, phổ biến ở mức 40.000 - 43.000 đ/kg. Khu vực Tây Nguyên, giá lợn hơi tốt hơn, đạt 43.000 - 46.000 đ/kg. Tại miền Nam, giá lợn hơi tăng 4.000 - 6.000 đ/kg, dao động từ 41.000 - 49.000 đ/kg.

Xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 4 tháng đầu năm 2019 tiếp tục đạt được một số kết quả tích cực. Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 4/2019 ước đạt 46 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 185 triệu USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2018. Ba tháng đầu năm 2019, giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm đạt 6,2 triệu USD, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2018; Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ lợn đạt gần 19,5 triệu USD, tăng 71,3% so với cùng kỳ năm 2018. Mặc dù dịch ASF đã khiến các nước Philippines, Đài Loan, Mỹ, Nhật và Australia ban hành lệnh cấm nhập khẩu sản phẩm từ lợn của Việt Nam, song đây không phải là các thị trường xuất khẩu thịt lợn lớn của Việt Nam nên lệnh cấm không ảnh hưởng nhiều đến xuất khẩu. Hơn nữa, dịch chủ yếu xuất hiện tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, điều kiện vệ sinh và an toàn sinh học không tốt, trong khi hầu hết những nhà xuất khẩu sản phẩm từ lợn là các doanh nghiệp chăn nuôi tập trung quy mô lớn vẫn chưa phát hiện dịch, sản phẩm an toàn nên xuất khẩu sang các thị trường chủ lực là Hong Kong, Malaysia vẫn tăng trưởng tích cực. Bên cạnh đó, do dịch ASF lan rộng tại

Trung Quốc, nước này thiếu hụt nguồn cung thịt lợn, nên đã tăng nhập khẩu từ Việt Nam.

Do các hộ chăn nuôi đã bán tháo lợn vào lúc dịch ASF mới bùng phát, và được khuyến cáo phải tăng cường các biện pháp chống dịch, thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, và không nên tái đàn vào thời điểm này, nên nguồn cung lợn dự kiến sẽ thắt chặt, trong khi nhu cầu tiêu dùng đang chuyển biến tích cực, cùng với xuất khẩu tăng trưởng tốt, nên dự báo giá lợn hơi trong nước sẽ tiếp tục tăng trong những tháng tới.

11. Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 4/2019 ước đạt 832 triệu USD, lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 4 tháng đầu năm 2019 ước đạt 3,1 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2018. Tính đến hết 3 tháng đầu năm 2019, ngành gỗ đạt thặng dư thương mại lớn nhất trong xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam với giá trị 1,7 tỷ USD, tăng 17,8% so với cùng kỳ 2018. Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là 4 thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2019, tỷ trọng xuất khẩu sang 4 thị trường này chiếm 78,8% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Nhật Bản là hai thị trường có mức tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2018 với mức tăng lần lượt là 34,6% và 15,6%.

11

Giá trị nhập khẩu tháng 4/2019 ước đạt 210 triệu USD, lũy kế giá trị nhập khẩu 4 tháng đầu năm đạt 790 triệu USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 3 tháng đầu năm 2019, Trung Quốc là thị trường lớn nhất của Việt Nam với 17,3% thị phần.

Theo Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFORES), động lực thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành gỗ đến từ các hiệp định thương mại như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),... Việc tham gia CPTPP sẽ mang lại cơ hội lớn cho ngành gỗ của Việt Nam nhờ những lợi thế của cắt giảm thuế quan. Theo đó, một số đối tác chưa có hiệp định thương mại với Việt Nam xóa bỏ đa số các dòng thuế đối với các mặt hàng đồ gỗ nội thất, văn phòng, nhà bếp ngay khi CPTPP có hiệu lực. Cụ thể là, Peru sẽ xóa bỏ 32% số dòng thuế đối với sản phẩm gỗ nhập khẩu vào nước này trong lộ trình 6 năm, Mexico xóa bỏ 50% số dòng thuế đối với sản phẩm gỗ nhập khẩu sẽ được xóa bỏ theo lộ trình 10 năm.

Ngoài ra, hiệp định đối tác tự nguyện về tăng cường thực thi lâm luật với EU (FLEGT-VPA) có hiệu lực trong năm 2019 sẽ là cơ hội lớn để các sản phẩm gỗ từ Việt Nam thâm nhập vào thị trường EU. Mặc dù vậy, theo Hiệp định VPA/FLEGT, Việt Nam cam kết xây dựng và vận hành Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS) phù hợp với đặc điểm chuỗi cung của Việt Nam và quy định của EU để xác

minh, truy xuất nguồn gốc gỗ trong toàn bộ chuỗi cung ứng làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy phép FLEGT cho các lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang EU. Đổi lại, các lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam có giấy phép FLEGT sẽ không phải thực hiện trách nhiệm giải trình về nguồn gốc gỗ hợp pháp theo quy định EUTR 995 khi xuất khẩu vào EU. Hiệp định VPA/FLEGT sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam trên cả 3 lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường, nổi bật là mở rộng thị trường xuất khẩu, cải thiện thể chế về quản lý rừng, giải quyết tình trạng khai thác và thương mại gỗ trái phép, góp phần phát triển bền vững ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam.

Để hiện thực hóa nỗ lực xây dựng Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã hành lập Văn phòng Chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS) vào ngày 26/04. Văn phòng Chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS) sẽ là đầu mối hợp tác với các tổ chức chứng chỉ rừng quốc tế, các cơ quan, tổ chức liên quan để vận hành hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia; Chủ trì và triển khai các hoạt động chứng chỉ rừng tại Việt Nam; Xây dựng và phát triển thương hiệu Chứng chỉ rừng Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời tổ chức việc kiểm tra giám sát việc cấp chứng chỉ rừng của hệ thống quốc gia.

Mặc dù có nhiều tiềm năng khi tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới, ngành gỗ Việt Nam vẫn phải đối mặt với các vấn đề như cần vốn lớn để cải tiến máy móc, cải tiến năng lực sản xuất để có thể đáp ứng được các đơn hàng lớn; tốc độ tăng trưởng của ngành gỗ chủ yếu từ việc dùng sức và lượng để cạnh tranh, trong khi các nước phát triển đầu tư vào thiết kế, nhãn hiệu, công nghệ tự động hóa, nhà xưởng hiện đại; Việt Nam có nhiều làng nghề nhưng xu hướng là sản xuất hàng giá rẻ và chất lượng không ổn định, trong khi các doanh nghiệp lớn sản xuất lớn lại tập trung vào sản xuất hàng gia công xuất khẩu.

Do đó, các doanh nghiệp cần quan tâm chú trọng đầu tư, áp dụng tự động hóa trong sản xuất, áp dụng công nghệ quản lý mới, nâng cao chất lượng, tay nghề công nhân để giảm giá thành, tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tăng cường hợp tác, tạo lập và hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất nguyên liệu đến xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả của chuỗi cung ứng thông qua việc tập trung nguồn lực thực hiện chuyên môn hóa, giảm chi phí giao dịch và chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Dự báo năm 2019, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục được mở rộng, tuy nhiên cách mở rộng vẫn tiếp tục theo mô hình hiện nay, với sự gia tăng của nguồn nguyên liệu đầu vào và lao động phổ thông. Trong tương lai, ngành cần có các mô hình phát triển mới, với trọng tâm nhấn mạnh vào giá trị được tạo ra trong khâu thiết kế, thương mại, lao động tay nghề cao và đổi mới công nghệ. Phát

triển các mô hình này đòi hỏi nỗ lực không phải chỉ từ bản thân doanh nghiệp mà cả từ các cơ quan quản lý, cả cấp trung ương và địa phương.

MỘT SỐ LƯU Ý

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Sắn:** triển vọng thị trường sắn trong thời gian tới sẽ phụ thuộc rất lớn vào việc các nhà sản xuất có sẵn sàng chấp nhận rủi ro tiếp tục phụ thuộc vào nhu cầu tại thị trường Trung Quốc hay hướng tới các giải pháp như: giảm diện tích trồng sắn, nâng cấp chất lượng sản phục vụ ngành chế biến thực phẩm và thức ăn chăn nuôi hơn là chỉ tập trung vào việc cung cấp nguyên liệu phục vụ ngành sản xuất ethanol của Trung Quốc
- **Sản phẩm thịt:** Nhiều địa phương đã công bố hết dịch trong tháng 4, giá các sản phẩm thịt lợn đã tăng trở lại, khuyến cáo người chăn nuôi nên tăng cường các biện pháp phòng chống dịch tránh để dịch bệnh bùng phát trở lại ở các địa phương đã hết dịch.
- **Lúa gạo:** dự báo giá lúa, gạo trong nước tăng nhẹ trong tháng tới do nguồn cung cuối vụ thắt chặt, nhu cầu thu mua cho xuất khẩu dự báo tăng cao.
- **Trái cây:** Các doanh nghiệp cần tận dụng cơ hội của các sản phẩm trái cây (xoài, thanh long, nhãn, chôm chôm, vải thiều và vú sữa) chủ lực của Việt Nam đã được xuất khẩu sang Mỹ để đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm này.
- **Gỗ:** các doanh nghiệp cần quan tâm chú trọng đầu tư, áp dụng tự động hóa trong sản xuất, áp dụng công nghệ quản lý mới, nâng cao chất lượng, tay nghề công nhân để giảm giá thành, tăng năng suất lao động. Trong tương lai, ngành gỗ cần có các mô hình phát triển mới, với trọng tâm nhấn mạnh vào giá trị được tạo ra trong khâu thiết kế, thương mại, lao động tay nghề cao và đổi mới công nghệ.